

Số: **305** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **06** tháng **9** năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm
đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông
sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Công văn số 153/HĐND-VHXXH ngày 14/8/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Nghị quyết), gồm các nội dung sau:

I. QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Quy trình ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn thực hiện theo quy định tại khoản 44, 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

Việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số 153/HĐND-VHXXH ngày 14/8/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND Thành phố.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Giá ngày 19/6/2023;

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP);

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP);

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 73/2024/NĐ-CP);

Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên:

+ Tại khoản 3 Điều 3, quy định: “*Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ*”.

+ Tại Điều 15, quy định điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

“1. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.

2. Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công, thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

3. Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công”.

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, quy định: “*Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế Cấp phát bình quân*

sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Thành phố đang thực hiện thí điểm đặt hàng năm học 2023-2024, năm học 2024-2025 theo giá dịch vụ quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND; tại phụ lục giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, quy định: “*Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục ..., học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...*”.

Ngày 15/5/2024, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND, trong đó: Chấp thuận việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố đến hết năm học 2025-2026;

Tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND, quy định: “*Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo quy định*”.

Năm học 2023-2024, toàn Thành phố có 296 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện thí điểm đặt hàng theo giá dịch vụ giáo dục quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND (theo mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng); thời gian đặt hàng được tính từ tháng 9/2023 đến hết tháng 8/2024.

Ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; theo đó tại khoản 1, 2 Điều 3, quy định:

“1. Mức lương cơ sở dùng làm căn cứ:

a) Tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp và thực hiện các chế độ khác theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này;

b) Tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí theo quy định của pháp luật;

c) Tính các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

2. Từ ngày 01/7/2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng”.

Căn cứ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên; để đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương mới theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện thí điểm đặt hàng của Thành phố năm học 2023-2024, năm học 2024-2025 và tiếp tục đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với năm học 2025-2026, việc ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng là hết sức cần thiết.

3. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

- Tại điểm đ khoản 4 Điều 3 Luật giá năm 2023, quy định việc định giá của Nhà nước đối với một số mặt hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan như sau: *“Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp”*.

- Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: *“UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ...; quyết định giá đặt hàng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thuộc danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương...”*.

- Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định chung về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo khi thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu: *“Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo”*.

Căn cứ các quy định trên, việc ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

IV. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết: Để có cơ sở pháp lý thực hiện điều chỉnh đặt hàng dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2023-2024, năm học 2024-2025 và tiếp tục đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với năm học 2025-2026 đảm bảo chi chế độ tiền lương mới theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP từ ngày 01/7/2024.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

a) Đề xuất của UBND Thành phố

Trên cơ sở giá dịch vụ dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử

dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và được kéo dài theo quy định tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

Căn cứ tỷ lệ (mức độ) biến động tiền lương từ mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2024 theo quy định tại Nghị quyết số 73/2024/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tính bổ sung chi phí tiền lương tăng thêm vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương theo quy định của Chính phủ.

c) Lý do đề xuất

Giá dịch vụ giáo dục quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội được tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng; từ ngày 01/7/2024 mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng vậy cần thiết bổ sung chi phí tiền lương tăng thêm vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương theo quy định của Chính phủ.

Dự kiến giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (*chi tiết cụ thể có phụ lục kèm theo*).

V. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia thực hiện thí điểm đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

VI. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN

- Ngày 19/7/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 2543/TTr-SGDĐT gửi UBND Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết về việc cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn;

- Ngày 30/7/2024, UBND Thành phố có Thông báo số 651/TB-UBND thông báo Kết luận của UBND Thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết về việc cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn;

- Ngày 01/8/2024, UBND Thành phố có Tờ trình số 265/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết về việc cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn;

- Ngày 14/8/2024, HĐND Thành phố có Công văn số 153/HĐND-VHXX về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Ngày 21/8/2024, Tổ chuyên gia có Báo cáo về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng (Có báo cáo gửi kèm theo);

- Ngày 22/8/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2932/SGDĐT-KHTC về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Thành phố gửi UBND Thành phố;

- Ngày 22/8/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2935/SGDĐT-KHTC về việc xin ý kiến góp ý dự thảo đăng tải dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội gửi các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở;

- Ngày 30/8/2024, Sở Tài chính có Công văn số 5270/STC-QLG về việc tham gia ý kiến về phương án dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội;

- Ngày 30/8/2024, Sở Tư pháp có Báo cáo số 259/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Đối với người học

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: “*Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo quy định tại Nghị định này*”.

Hiện nay mức thu học phí được quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024.

Như vậy việc ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng sẽ không tăng thu đối với người học.

2. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Để đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương mới theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP đối với 296 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện thí điểm đặt hàng của Thành phố năm học 2023-2024 và tiếp tục đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026 theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng (*thời gian triển khai và thời gian hoàn thành dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được tính từ ngày 01 tháng 9 năm trước đến hết ngày 31 tháng 8 của năm liền kề*).

3. Đối với ngân sách đặt hàng

Ngân sách đặt hàng tăng tương ứng với nhu cầu cải cách tiền lương từ mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng.

VIII. BỐ CỤC NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết: Gồm 02 Điều

Điều 1. Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia thực hiện thí điểm đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước *(không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội)*.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2.3. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ.

2.4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2.5. Thời gian thực hiện:

a) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2023-2024 (từ thời điểm Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang có hiệu lực thi hành).

b) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2024-2025 và thực hiện đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2025-2026.

2.6. Khi nhà nước ban hành những chế độ, chính sách về tiền lương dẫn đến thay đổi giá dịch vụ giáo dục, giao Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật chi phí liên quan đến tiền lương vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm theo đúng cơ cấu chi phí tiền lương đã được quy định tại khoản 3 nêu trên. Báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND Thành phố gần nhất.

2.7. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của HĐND Thành phố kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

IX. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XEM XÉT, THÔNG QUA

Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua tại kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 18) tháng 9/2024.

X. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước; Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

(Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố gửi kèm theo)

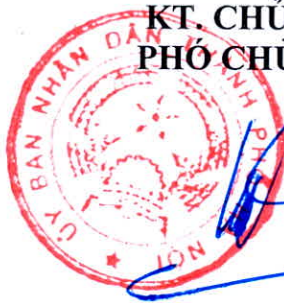
Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXX, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

**PHỤ LỤC: GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số 305 /TTr-UBND ngày 06 / 9 /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp *(thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*, cụ thể:

a) Năm học 2023-2024:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)	Chi phí tiền lương tăng thêm tháng 7, 8 năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em))	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)
A	B	1	2	3=1+2
1	Trẻ em Mầm non			
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.400	495	12.895
2	Học sinh Tiểu học			
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.500	267	7.767
3	Học sinh Trung học cơ sở			
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.450	342	9.792

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)	Chi phí tiền lương tăng thêm tháng 7, 8 năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em))	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)
A	B	1	2	3=1+2
4	Học sinh Trung học phổ thông			
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.600	350	9.950
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	25.550	862	26.412
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	24.600	648	25.248
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	27.250	1.000	28.250

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), 10 tháng theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng và 02 tháng theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

b) Năm học 2024-2025 và 2025-2026:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)	Chi phí tiền lương tăng thêm/năm học (12 tháng) theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em))	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh (trẻ em)/năm học)	Trong đó: Tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (%)
A	B	1	3	4	5
1	Trẻ em Mầm non				
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.400	2.970	15.370	83,72
2	Học sinh Tiểu học				
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.500	1.600	9.100	75,86
3	Học sinh Trung học cơ sở				
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.450	2.050	11.500	78,23
4	Học sinh Trung học phổ thông				
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.600	2.100	11.700	78,24
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	25.550	5.170	30.720	77,84
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	24.600	3.890	28.490	76,99
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	27.250	6.000	33.250	78,16

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

c) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục (Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00

Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00

Cấp Trung học cơ sở			
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00

Cấp Trung học phổ thông				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 đến 29 lớp	Từ 30 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,10	1,05	1,00

Ghi chú:

- Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, Cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập áp dụng hệ số điều chỉnh quy định đối với cấp học cao nhất.

- Không áp dụng đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú; Cơ sở giáo dục có lớp trung học phổ thông hệ chuyên.

d) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô học sinh bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp trung học cơ sở	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93
Hệ số điều chỉnh giá Trung học phổ thông	Đặc thù	1,80	1,50	1,29	1,13	1,00	0,97	0,95

Ghi chú:

- Đối với các lớp trong cơ sở giáo dục dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập tính hệ số điều chỉnh cho học sinh bình thường theo số học sinh bình quân (gồm cả học sinh khuyết tật)/lớp.

- Không áp dụng đối với học sinh phổ thông dân tộc nội trú; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên, học sinh khuyết tật học hòa nhập.

đ) Giá dịch vụ đối với cơ sở giáo dục *(không bao gồm các cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)*

Giá dịch vụ = Giá dịch vụ/học sinh (trẻ em)/năm học x Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục x Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp.

2. Đối với các cơ sở giáo dục có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp đặc thù được quy định tại nội dung 1 nêu trên và các cơ sở giáo dục khi áp giá theo quy định tại nội dung 1 nêu trên sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo chi khác tối thiểu thì giá đặt hàng được tính trên cơ sở Quỹ tiền lương, tiền công + Chi khác tối thiểu x 90%. Trong đó:

a) Mức chi khác tối thiểu đối với trẻ em mầm non: 2.000.000 đồng/trẻ em /năm học; học sinh tiểu học: 1.500.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở: 1.900.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông: 2.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh khuyết tật học hòa nhập: 6.200.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên: 9.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh phổ thông dân tộc nội trú: 10.000.000 đồng/học sinh/năm học).

b) Quỹ tiền lương, tiền công bao gồm:

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm đặt hàng (không vượt quá số biên chế được duyệt): Được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ.

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng: Được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương bậc 1 (hệ số thấp nhất trong các ngạch lương) và các khoản đóng góp theo chế độ./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số .../BC-VHXXH ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia thực hiện thí điểm đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước (*không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội*).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (*quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo*).

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Thời gian thực hiện:

a) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2023-2024 (từ thời điểm Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang có hiệu lực thi hành).

b) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2024-2025 và thực hiện đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2025-2026.

6. Khi nhà nước ban hành những chế độ, chính sách về tiền lương dẫn đến thay đổi giá dịch vụ giáo dục, giao Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật chi phí liên quan đến tiền lương vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm theo đúng cơ cấu chi phí tiền lương đã được quy định tại khoản 3 nêu trên. Báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND Thành phố gần nhất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã triển khai thí điểm giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến hết năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo phân cấp quản lý ở mọi cấp học.

c) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổng kết, đánh giá khi kết thúc thời gian thí điểm, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

d) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng đề ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm căn cứ xây dựng giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội từ năm học 2026 - 2027.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo quy định.

5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của HĐND Thành phố kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC: GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*), cụ thể:

a) Năm học 2023-2024:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)
1	Trẻ em Mầm non	
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.895
2	Học sinh Tiểu học	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.767
3	Học sinh Trung học cơ sở	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.792
4	Học sinh Trung học phổ thông	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.950
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	26.412
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	25.248
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	28.250

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), 10 tháng theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng và 02 tháng theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

b) Năm học 2024-2025 và 2025-2026:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)	Trong đó: Tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (%)
1	Trẻ em Mầm non		
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	15.370	83,72
2	Học sinh Tiểu học		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.100	75,86
3	Học sinh Trung học cơ sở		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	11.500	78,23
4	Học sinh Trung học phổ thông		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	11.700	78,24
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	30.720	77,84
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	28.490	76,99
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	33.250	78,16

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

c) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00

Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00

Cấp Trung học cơ sở			
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00

Cấp Trung học phổ thông				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 đến 29 lớp	Từ 30 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,10	1,05	1,00

Ghi chú:

- Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, Cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập áp dụng hệ số điều chỉnh quy định đối với cấp học cao nhất.

- Không áp dụng đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú; Cơ sở giáo dục có lớp trung học phổ thông hệ chuyên.

d) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô học sinh bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp trung học cơ sở	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93
Hệ số điều chỉnh giá Trung học phổ thông	Đặc thù	1,80	1,50	1,29	1,13	1,00	0,97	0,95

Ghi chú:

- Đối với các lớp trong cơ sở giáo dục dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập tính hệ số điều chỉnh cho học sinh bình thường theo số học sinh bình quân (gồm cả học sinh khuyết tật)/lớp.

- Không áp dụng đối với học sinh phổ thông dân tộc nội trú; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên, học sinh khuyết tật học hòa nhập.

đ) Giá dịch vụ đối với cơ sở giáo dục (không bao gồm các cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)

Giá dịch vụ = Giá dịch vụ/học sinh (trẻ em)/năm học x Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục x Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp.

2. Đối với các cơ sở giáo dục có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp đặc thù được quy định tại nội dung 1 nêu trên và các cơ sở giáo dục khi áp giá theo quy định tại nội dung 1 nêu trên sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo chi khác tối thiểu thì giá đặt hàng được tính trên cơ sở Quỹ tiền lương, tiền công + Chi khác tối thiểu x 90%. Trong đó:

a) Mức chi khác tối thiểu đối với trẻ em mầm non: 2.000.000 đồng/trẻ em/năm học; học sinh tiểu học: 1.500.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở: 1.900.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông: 2.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh khuyết tật học hòa nhập: 6.200.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên: 9.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh phổ thông dân tộc nội trú: 10.000.000 đồng/học sinh/năm học).

b) Quỹ tiền lương, tiền công bao gồm:

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm đặt hàng (không vượt quá số biên chế được duyệt): Được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ.

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng: Được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương bậc 1 (hệ số thấp nhất trong các ngạch lương) và các khoản đóng góp theo chế độ./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số .../BC-VHXX ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia thực hiện thí điểm đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước (*không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội*).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (*quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo*).

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Thời gian thực hiện:

a) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2023-2024.

b) Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2024-2025 và thực hiện đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2025-2026.

6. Khi nhà nước ban hành những chế độ, chính sách về tiền lương dẫn đến thay đổi giá dịch vụ giáo dục, giao Ủy ban nhân dân Thành phố cập nhật chi phí liên quan đến tiền lương vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm theo đúng cơ cấu chi phí tiền lương đã được quy định tại khoản 3 nêu trên. Báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND Thành phố gần nhất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã triển khai thí điểm giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đến hết năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo phân cấp quản lý ở mọi cấp học.

c) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổng kết, đánh giá khi kết thúc thời gian thí điểm, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

d) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng đề ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm căn cứ xây dựng giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội từ năm học 2026 - 2027.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo quy định.

5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của HĐND Thành phố kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC: GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*), cụ thể:

a) Năm học 2023-2024:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)
1	Trẻ em Mầm non	
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.895
2	Học sinh Tiểu học	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.767
3	Học sinh Trung học cơ sở	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.792
4	Học sinh Trung học phổ thông	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.950
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	26.412
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	25.248
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	28.250

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), 10 tháng theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng và 02 tháng theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

b) Năm học 2024-2025 và 2025-2026:

Số TT	Cấp học/cơ sở giáo dục	Giá dịch vụ (nghìn đồng/học sinh(trẻ em)/năm học)	Trong đó: Tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (%)
1	Trẻ em Mầm non		
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	15.370	83,72
2	Học sinh Tiểu học		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.100	75,86
3	Học sinh Trung học cơ sở		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	11.500	78,23
4	Học sinh Trung học phổ thông		
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	11.700	78,24
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	30.720	77,84
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	28.490	76,99
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	33.250	78,16

Ghi chú:

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

- Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

c) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00

Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00

Cấp Trung học cơ sở			
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00

Cấp Trung học phổ thông				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 đến 29 lớp	Từ 30 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,10	1,05	1,00

Ghi chú:

- Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, Cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập áp dụng hệ số điều chỉnh quy định đối với cấp học cao nhất.

- Không áp dụng đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú; Cơ sở giáo dục có lớp trung học phổ thông hệ chuyên.

d) Giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô học sinh bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp trung học cơ sở	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93
Hệ số điều chỉnh giá Trung học phổ thông	Đặc thù	1,80	1,50	1,29	1,13	1,00	0,97	0,95

Ghi chú:

- Đối với các lớp trong cơ sở giáo dục dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập tính hệ số điều chỉnh cho học sinh bình thường theo số học sinh bình quân (gồm cả học sinh khuyết tật)/lớp.

- Không áp dụng đối với học sinh phổ thông dân tộc nội trú; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên, học sinh khuyết tật học hòa nhập.

đ) Giá dịch vụ đối với cơ sở giáo dục (không bao gồm các cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)

Giá dịch vụ = Giá dịch vụ/học sinh (trẻ em)/năm học x Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục x Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ em) bình quân/lớp.

2. Đối với các cơ sở giáo dục có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh (trẻ em) bình quân/lớp đặc thù được quy định tại nội dung 1 nêu trên và các cơ sở giáo dục khi áp giá theo quy định tại nội dung 1 nêu trên sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo chi khác tối thiểu thì giá đặt hàng được tính trên cơ sở Quỹ tiền lương, tiền công + Chi khác tối thiểu x 90%. Trong đó:

a) Mức chi khác tối thiểu đối với trẻ em mầm non: 2.000.000 đồng/trẻ em/năm học; học sinh tiểu học: 1.500.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở: 1.900.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông: 2.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh khuyết tật học hòa nhập: 6.200.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh trung học phổ thông hệ chuyên: 9.000.000 đồng/học sinh/năm học; học sinh phổ thông dân tộc nội trú: 10.000.000 đồng/học sinh/năm học).

b) Quỹ tiền lương, tiền công bao gồm:

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm đặt hàng (không vượt quá số biên chế được duyệt): Được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ.

- Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng: Được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương bậc 1 (hệ số thấp nhất trong các ngạch lương) và các khoản đóng góp theo chế độ./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SỞ TÀI CHÍNH

Số 5270/STC-QLG

V/v tham gia ý kiến về phương án giá
dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục
phổ thông sử dụng NSNN của thành
phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Văn bản số 2998/SGDDT-KHTC ngày 29/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, trong đó đề nghị Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ thí điểm đặt hàng của thành phố Hà Nội cho các năm học 2023-2024; 2024-2025 và 2025-2026.

Sau khi rà soát, nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến tham gia về phương án giá như sau:

1. Về thẩm quyền thẩm định, quản lý nhà nước về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước.

Tại điểm a khoản 4 Điều 3 Luật giá năm 2023 quy định:

"4. Việc định giá của Nhà nước đối với một số mặt hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan như sau:

...

đ) Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp;"

Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo khi thực hiện nhiệm vụ, đặt hàng đầu thầu: *"Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo"*.

Căn cứ quy định nêu trên, việc Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước phục vụ thí điểm đặt hàng là phù hợp.

2. Về căn cứ điều chỉnh giá

Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 2998/SGDDT-KHTC ngày 29/8/2024:

... để thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về giá dịch vụ sự nghiệp công cộng

- Ngày 04/7/2023, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội. Năm học 2023-2024, toàn Thành phố có 296 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện thí điểm đặt hàng theo giá dịch vụ giáo dục quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND (mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng); thời gian đặt hàng được tính từ tháng 9/2023 đến hết tháng 8/2024.

- Ngày 15/5/2024, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND về việc kéo dài thời gian thực hiện của Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND.

- Ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, từ ngày 01/7/2024, mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng thay cho mức 1.800.000 đồng/tháng.

Việc Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, xây dựng phương án giá mới để thay thế phương án giá đã ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội do yếu tố hình thành giá (tiền lương) thay đổi là phù hợp.

3. Các nội dung khác.

(1) Ngày 01/7/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2024/TT-BTC quy định về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; do vậy, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo cập nhật quy định nêu trên trong phương án giá.

(2) Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo bổ sung đánh giá tác động của phương án giá khi triển khai áp dụng (tác động đến người học và tác động đến ngân sách).

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hoàn thiện phương án giá theo quy định. *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBNDTP: Hà Minh Hải (để b/c);
- PCT UBND TP: Vũ Thu Hà (để b/c);
- Đ/c Giám Đốc Sở (để b/c);
- Phòng HCSN, QLNS, NSQH (để p/h);
- Lưu VT, QLGS.



Trần Thành Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 153/HĐND-BVHXH
V/v chấp thuận đề nghị xây dựng
Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND
Thành phố

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Thường trực HĐND Thành phố nhận được Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 15/7/2024 của UBND Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2024-2025; Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 01/8/2024 của UBND Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Sau khi xem xét hồ sơ trình, ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội, Thường trực HĐND Thành phố có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề nghị của UBND Thành phố tại các Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 15/7/2024; số 265/TTr-UBND ngày 01/8/2024 của UBND Thành phố về xây dựng Nghị quyết trình kỳ họp HĐND Thành phố, gồm các nội dung:

- Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

- Cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Đề nghị UBND Thành phố:

- Chỉ đạo rà soát, xác định đối tượng cơ sở giáo dục đề nghị HĐND Thành phố phê duyệt mức thu học phí và rà soát, xác định mức thu học phí đối với các

cơ sở giáo dục đề xuất cho năm học 2024-2025 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Xem xét, sửa tên Nghị quyết về giá dịch vụ giáo dục đảm bảo ngắn gọn, đúng tính chất việc điều chỉnh, sửa đổi Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội do chi phí tiền lương tăng thêm.

- Chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết kèm theo hồ sơ và gửi các Ban HĐND Thành phố để thực hiện thẩm tra, trình HĐND Thành phố theo đúng quy trình, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch HĐND TP; (để b/c)
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Sở: GDĐT, TC, TP;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND TP;
- Lưu VT, BVHXXH_{Huyện}.

TM. THƯỜNG TRƯC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

BÁO CÁO

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục
tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Sở Tư pháp nhận được văn bản số 2948/SGDĐT-KHTC ngày 26/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội. Sau khi nghiên cứu dự thảo và các tài liệu kèm theo, đối chiếu quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Thẩm quyền, sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định việc điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước khi Nhà nước thay đổi về chính sách tiền lương. Do thời điểm Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2024/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở mới, HĐND Thành phố chưa tổ chức họp để quyết định thay đổi giá dịch vụ điều chỉnh kinh phí đặt hàng kịp có hiệu lực với chính sách tiền lương mới. Việc bổ sung nguồn kinh phí đặt hàng để đảm bảo trả lương cho công chức, viên chức, người lao động theo chính sách tiền lương mới là cần thiết. Đồng thời, điểm đ khoản 4 Điều 3 Luật Giá năm 2023 quy định học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: "Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông... do bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo".

Chính vì vậy, việc Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội thay thế

các Nghị quyết của HĐND Thành phố số: 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; 08/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND, nhằm đảm bảo kịp thời nguồn kinh phí thực hiện chế độ tiền lương mới theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP là hợp lý, cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2.2. Cơ quan soạn thảo tham mưu đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết gồm 02 nhóm sau: Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia thực hiện thí điểm đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước (không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội); Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Như vậy, phạm vi điều chỉnh phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối tượng áp dụng phù hợp với phạm vi điều chỉnh của văn bản.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

3.1. Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục, tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; phù hợp với quy định tại Điều 61 Hiến pháp năm 2013 về phát triển giáo dục, theo đó: *"Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"*.

3.2. Để dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Sửa đổi tên Nghị quyết thành: Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

- Để phù hợp với thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP về chính sách tiền lương mới, điểm a khoản 5 Điều 1 nên điều chỉnh thành: Áp dụng mức giá quy định tại khoản 3 Điều 1 nêu trên làm cơ sở điều chỉnh giá trị đặt hàng cung ứng dịch vụ giáo dục sử dụng ngân sách nhà nước năm học 2023 – 2024 (từ thời điểm Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày

30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang có hiệu lực thi hành).

- Để dẫn chiếu đúng thẩm quyền ban hành Nghị quyết, mục IV Tờ trình dự thảo Nghị quyết nên sửa đổi từ: "Tại điểm a khoản 4 Điều 3 Luật Giá năm 2023 ." thành "Tại điểm đ khoản 4 Điều 3 Luật Giá..."

4. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết, với các chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã được thông qua

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với phạm vi thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được giao tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Ngày 14/8/2024, Thường trực HĐND Thành phố đã có văn bản số 153/HĐND-BVHXH chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ vào giá dịch vụ giáo dục ban hành tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và được kéo dài tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND Thành phố. Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo Nghị quyết là sửa đổi giá dịch vụ giáo dục trên cơ sở cập nhật chi phí tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ. Do đó, nội dung dự thảo Nghị quyết là phù hợp với đề xuất đã được Thường trực HĐND chấp thuận tại văn bản số 153/HĐND-BVHXH.

5. Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đã đảm bảo theo mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Về quy trình, trình tự ban hành Nghị quyết

6.1. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của Thành phố. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đã có văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết.

6.2. Cơ quan soạn thảo gửi hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết gồm: Tờ trình; dự thảo Nghị quyết; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị quyết là đã đầy đủ tài liệu theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6.3. Để hồ sơ Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND Thành phố, đề nghị cơ quan soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, hoàn thiện hồ sơ trình UBND Thành phố theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gửi Sở Tư pháp để theo dõi).

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện, tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố;
- Đ/c PCTTT UBNDTP Lê Hồng Sơn;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VBQP_(HT)



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

[Signature]
Nguyễn Công Anh



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu, ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức cá nhân về dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu, ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức cá nhân

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Công văn số 1009/STP-VBQP ngày 28/4/2022 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND Thành phố;

Căn cứ Công văn số 153/HĐND-VHXXH ngày 14/8/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND Thành phố;

Ngày 22/8/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2935/SGDDT-KHTC gửi: các Sở, ban ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; Các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Cơ quan, tổ chức lấy ý kiến

- Tổng số cơ quan tổ chức lấy ý kiến 167 đơn vị: 16 Sở, ban, ngành; 30 UBND quận, huyện, thị xã; 121 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

- Tổng số ý kiến góp ý đã nhận được 158 đơn vị: 14 Sở, ban, ngành; 24 UBND quận, huyện, thị xã; 120 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

+ Tổng số ý kiến đồng ý hoàn toàn thống nhất với dự thảo Nghị quyết 153 đơn vị: 13 Sở, ban, ngành; 20 UBND quận, huyện, thị xã; 120 cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

+ Tổng số ý kiến góp ý một số nội dung của dự thảo Nghị quyết 05 đơn vị.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

Handwritten signature/initials

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tên gọi của Nghị quyết	Sở Tư Pháp	Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc sửa đổi tên Nghị quyết thành: Nghị quyết quy định giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội	Tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố
Về giá dịch vụ tại khoản 3 Điều 2. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo).	Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh	Nâng giá dịch vụ của khối mầm non do số học sinh ít, giá dịch vụ chưa đảm bảo chi cho khối mầm non	Tiếp thu trong quá trình rà soát số liệu đảm bảo phù hợp theo đúng quy định. Trường hợp một số đơn vị do số học sinh ít thì thực hiện đặt hàng theo quy định đối với đơn vị đặc thù đảm bảo mức chi khác tối thiểu theo quy định.
Tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết dự thảo: Khi nhà nước ban hành những chế độ, chính sách về tiền lương dẫn đến thay đổi giá dịch vụ giáo dục, giao UBND Thành phố cập nhật chi phí liên quan đến tiền lương vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm theo đúng cơ cấu chi phí tiền lương đã được quy định tại khoản 3 nêu trên. Báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND Thành phố gần nhất.	Ủy ban nhân dân huyện Mê Linh	Khi nhà nước ban hành những chế độ, chính sách về tiền lương (bao gồm cả việc thăng hạng) dẫn đến thay đổi giá dịch vụ giáo dục, giao UBND Thành phố cập nhật chi phí liên quan đến tiền lương vào giá dịch vụ giáo dục bảo đảm theo đúng cơ cấu chi phí tiền lương đã được quy định tại khoản 3 nêu trên. Báo cáo kết quả tại kỳ họp HĐND Thành phố gần nhất.	Tiếp thu nhưng đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. Đối với việc nâng hạng giáo viên là các trường hợp đặc thù tại các cơ sở giáo dục và chưa có quy định pháp lý chung cho 100% các cơ sở giáo dục nên chưa có cơ sở pháp lý để đưa nội dung này vào trong Nghị quyết.
Về giá dịch vụ tại khoản 3 Điều 2. Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội và tỷ trọng cơ cấu tiền lương trong giá dịch vụ (quy định cụ thể tại phụ lục kèm theo).	Ủy ban nhân dân thị xã Sơn Tây	Khi áp dụng mức giá dịch vụ quy định tại dự thảo Nghị quyết để tính giá đặt hàng năm học 2024-2025 đối với 03 đơn vị trường học cho thấy: 02/03 đơn vị mức giá đặt hàng sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo chi khác tối thiểu theo quy định. Cụ thể: đối với Trường mầm non Quang Trung (quy mô 436 học sinh), mức giá đặt hàng không đảm bảo được kinh phí tiền lương, tiền công theo quy định; đối với Trường tiểu học Sơn Đông (quy mô 1259 học sinh), mức giá đặt hàng đảm bảo kinh phí tiền lương, tiền công tuy nhiên chi khác còn lại không	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu tuy nhiên trong quá trình rà soát, đánh giá số liệu, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp với Sở Tài chính tính toán, đảm bảo phù hợp và đúng quy định hiện hành.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đảm bảo chi khác tối thiểu. Như vậy mặc dù mức giá dịch vụ tại dự thảo Nghị quyết đã được điều chỉnh tăng lên so với mức giá dịch vụ quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023, nhưng mức tăng giá dịch vụ này cơ bản chỉ bù đắp được kinh phí tiền lương, tiền công tăng thêm khi thực hiện mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024, chưa đảm bảo được kinh phí chi hoạt động thường xuyên khác. Bên cạnh đó, để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị trường học còn phải bố trí kinh phí để thực hiện sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị tối thiểu theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo cơ sở vật chất để phấn đấu đạt trường chuẩn/chuẩn lại quốc gia... Trên địa bàn Thị xã, phần lớn các đơn vị trường học đều có số lượng học sinh ít nhưng lại có quỹ lương cao do có nhiều giáo viên làm việc lâu năm, nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo không đảm bảo dẫn đến Thị xã phải giảm chi các sự nghiệp khác để cân đối cho sự nghiệp giáo dục. UBND Thị xã đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh tăng mức giá dịch vụ giáo dục để đảm bảo kinh phí tiền lương và hoạt động bộ máy các cơ sở giáo dục; đồng thời điều chỉnh hệ số quy mô lớp/cơ sở giáo dục, hệ số quy mô học sinh bình quân/lớp để các cơ sở giáo dục có quy mô học sinh ít có thể đảm bảo được kinh phí tiền lương, kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho đơn vị	

Handwritten signature/initials.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân quận Thanh Xuân	Đối với những trường có quy mô lớn (ví dụ: Trường Trung học cơ sở hạng I, hạng II, có quy mô học sinh bình quân từ 45 học sinh/lớp trở lên): Khi áp dụng các hệ số điều chỉnh giá dịch vụ theo dự thảo Nghị quyết, kinh phí nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng sẽ tăng hơn nhiều so với kinh phí nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND của HĐND Thành phố và nhu cầu kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Như vậy, ngân sách quận sẽ gặp khó khăn trong cân đối nguồn để đảm bảo kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục. - Đối với những trường có quy mô nhỏ (ví dụ: Trường Trung học cơ sở hạng III dưới 18 lớp, quy mô học sinh bình quân dưới 35 học sinh/lớp và quỹ tiền lương cao): Khi áp dụng các hệ số điều chỉnh giá dịch vụ theo dự thảo Nghị quyết tuy đảm bảo về chi phí tiết lương theo quy định hiện hành nhưng chưa đảm bảo đủ chi phí thường xuyên khác phục vụ các hoạt động dạy học.	Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu tuy nhiên trong quá trình rà soát, đánh giá số liệu, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ phối hợp với Sở Tài chính tính toán, đảm bảo phù hợp và đúng quy định hiện hành.